

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025

VĂN BẢN CÔNG KHAI

Nội dung và hình thức dự kiến quảng cáo thiết bị y tế

Kính gửi: Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế - Bộ Y tế

1. Tên cơ sở công khai: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TÍN NHA

Mã số thuế: 0311610897

Địa chỉ: Số 33 đường số 55, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0906928369

Fax:

Email: pd3@tinnha.vn

Website:

2. Người đại diện hợp pháp của cơ sở:

Họ và tên: NGUYỄN HUY THOA

Số căn cước/Hộ chiếu: 052187000328 ngày cấp: 29/12/2017 nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân cư

Điện thoại cố định: 028 3515 1012 Điện thoại di động: 0906928369

3. Thông tin về thiết bị y tế dự kiến quảng cáo:

- Tên thiết bị y tế: Bộ chân răng nhân tạo

- Chủng loại: Theo phụ lục

- Mã sản phẩm (nếu có): Theo phụ lục

- Hãng sản xuất: Theo phụ lục

- Nước sản xuất: Theo phụ lục

- Số lưu hành: 2200040ĐKLH/BYT-TB-CT

- Tính năng, tác dụng: Thiết bị y tế nha khoa được cấy ghép vào xương hàm trên hoặc dưới để hỗ trợ cho bộ phận phục hình như phục hình răng, phục hồi chức năng ăn nhai của bệnh nhân mất răng một phần hoặc toàn bộ Thay thế chân răng của người bệnh

- Tên, địa chỉ của chủ sở hữu số lưu hành thiết bị y tế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TÍN NHA, Số 33 đường số 55, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Cảnh báo liên quan đến sức khỏe người sử dụng, điều kiện bảo quản (nếu có):

Chúng tôi công khai nội dung và hình thức dự kiến quảng cáo đối với thiết bị y tế như sau:

Nội dung dự kiến quảng cáo:

Catalogue, Thông tin, tính năng sản phẩm, phụ kiện đi kèm, chỉ định siết lực, lưu ý, quy trình

Hình thức dự kiến quảng cáo:

Không phải báo nói báo hình, Hội thảo

Hội thảo, bài đăng trên mạng xã hội facebook, zalo, website, email, tờ rơi, banner, catalogue, standee, tranh ảnh tại nha khoa...

Cơ sở cam kết:

1. Nội dung thông tin công khai là chính xác, hợp pháp và theo đúng quy định. Nếu có sự giả mạo,

không đúng sự thật cơ sở xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm nội dung quảng cáo phù hợp với bản nội dung dự kiến quảng cáo đã công khai và hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B hoặc hồ sơ đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D.

Người đại diện hợp pháp của cơ sở

PHỤ LỤC: BẢNG KÊ CHI TIẾT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	CHỦNG LOẠI	MÃ SẢN PHẨM (Nếu có)	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (Nếu có)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT	NƯỚC SẢN XUẤT
1	Trụ chân răng nhân tạo	ST Internal Fixture	ST3508C; ST3510C; ST3511C; ST3513C; ST3515C; ST4007C		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
2	Trụ chân răng nhân tạo	ST Internal Fixture	ST4008C; ST4010C; ST4011C; ST4013C; ST4015C; ST4507C		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
3	Trụ chân răng nhân tạo	ST Internal Fixture	ST4508C; ST4510C; ST4511C; ST4513C; ST4515C; ST5007C		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
4	Trụ chân răng nhân tạo	ST Internal Fixture	ST5008C; ST5010C; ST5011C; ST5013C; ST5015C		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
5	Nắp đậy chân răng nhân tạo	Cover Screw	STCSR; STCSS		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
6	Trụ lành thương	Healing Abutment	STHA403M; STHA403R; STHA404M; STHA404R; STHA405M; STHA405R		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
7	Trụ lành thương	Healing Abutment	STHA407M; STHA407R; STHA409M; STHA409R; STHA453M; STHA453R		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
8	Trụ lành thương	Healing Abutment	STHA454M; STHA454R; STHA455M; STHA455R; STHA457M; STHA457R		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
9	Trụ lành thương	Healing Abutment	STHA459M; STHA459R; STHA503R;		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

			STHA504R; STHA505R; STHA507R				
10	Trụ lành thương	Healing Abutment	STHA509R; STHA603R; STHA604R; STHA605R; STHA607R; STHA609R		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
11	Trụ lành thương	Healing Abutment	STHA703R; STHA704R; STHA705R; STHA707R; STHA709R		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
12	Bộ thân răng nhân tạo	Meg-Magnet Package	MMAO400P; MMAO410P; MMAO420P; MMAO430P; MMAO440P; MMAO450P		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
13	Bộ thân răng nhân tạo	Meg-Magnet Package	MMAO460P; MMAO470P; MMAO500P; MMAO510P; MMAO520P; MMAO530P		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
14	Bộ thân răng nhân tạo	Meg-Magnet Package	MMAO540P; MMAO550P; MMAO560P; MMAO570P		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
15	Thân răng nhân tạo	TiGen Abutment	OSTG3111.MTN; OSTG3111N.MTN; OSTG3112.MTN; OSTG3112N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
16	Thân răng nhân tạo	TiGen Abutment	OSTG3211.MTN; OSTG3211N.MTN; OSTG3212.MTN; OSTG3212N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
17	Thân răng nhân tạo	Meg-Magnet Abutment	MMAO400; MMAO410; MMAO420; MMAO430; MMAO440; MMAO450		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
18	Thân răng nhân tạo	Meg-Magnet Abutment	MMAO460; MMAO470;		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

			MMAO500; MMAO510; MMAO520; MMAO530				
19	Thân răng nhân tạo	Meg-Magnet Abutment	MMAO540; MMAO550; MMAO560; MMAO570; MMSTM400; MMSTM410		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
20	Thân răng nhân tạo	Meg-Magnet Abutment	MMSTM420; MMSTM430; MMSTM440; MMSTM450; MMSTM460; MMSTM470		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
21	Thân răng nhân tạo	Meg-Magnet Abutment	MMSTM500; MMSTM510; MMSTM520; MMSTM530; MMSTM540; MMSTM550		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
22	Thân răng nhân tạo	Meg-Magnet Abutment	MMSTM560; MMSTM570		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
23	Nắp đậy chân răng nhân tạo	Metal Housing	MBHR		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
24	Bộ thân răng nhân tạo	Meg-Ball Package	MBAO00P; MBAO10P; MBAO20P; MBAO30P; MBAO40P; MBAO50P		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
25	Bộ thân răng nhân tạo	Meg-Ball Package	MBAO60P; MBAO70P; MBSTM00P; MBSTM10P; MBSTM20P; MBSTM30P		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
26	Bộ thân răng nhân tạo	Meg-Ball Package	MBSTM40P; MBSTM50P; MBSTM60P; MBSTM70P		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
27	Bộ thân răng nhân tạo	Magnet Attachment Set	MA402; MA502		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
28	Thân răng nhân tạo	Meg-Ball Abutment	MBAO00; MBAO10; MBAO20; MBAO30; MBAO40; MBAO50		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

29	Thân răng nhân tạo	Meg-Ball Abutment	MBAO60; MBAO70; MBSTM00; MBSTM10; MBSTM20; MBSTM30		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
30	Thân răng nhân tạo	Meg-Ball Abutment	MBSTM40; MBSTM50; MBSTM60; MBSTM70		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
31	Thân răng nhân tạo tạm thời	Temporary Abutment	STTA4010NT; STTA4010T; STTA4030NT; STTA4030T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
32	Thân răng nhân tạo tạm thời	Temporary Abutment	STTA4510NT; STTA4510T; STTA4530NT; STTA4530T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
33	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA3111.MTN; OSGSPA3111N.MTN; OSGSPA3112.MTN; OSGSPA3112N.MTN; OSGSPA3113.MTN; OSGSPA3113N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
34	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA3121.MTN; OSGSPA3121N.MTN; OSGSPA3122.MTN; OSGSPA3122N.MTN; OSGSPA3123.MTN; OSGSPA3123N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
35	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA3131.MTN; OSGSPA3131N.MTN; OSGSPA3132.MTN; OSGSPA3132N.MTN; OSGSPA3133.MTN; OSGSPA3133N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
36	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA3141.MTN; OSGSPA3141N.MTN; OSGSPA3142.MTN; OSGSPA3142N.MTN; OSGSPA3143.MTN; OSGSPA3143N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
37	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA3211.MTN; OSGSPA3211N.MTN; OSGSPA3212.MTN; OSGSPA3212N.MTN; OSGSPA3221.MTN;		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

			OSGSPA3221N.MTN				
38	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA3222.MTN; OSGSPA3222N.MTN; OSGSPA4018.MTN; OSGSPA4018N.MTN; OSGSPA4025.MTN; OSGSPA4025N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
39	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA4026.MTN; OSGSPA4026N.MTN; OSGSPA4028.MTN; OSGSPA4028N.MTN; OSGSPA4035.MTN; OSGSPA4035N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
40	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA4036.MTN; OSGSPA4036N.MTN; OSGSPA4038.MTN; OSGSPA4038N.MTN; OSGSPA4045.MTN; OSGSPA4045N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
41	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA4046.MTN; OSGSPA4046N.MTN; OSGSPA4048.MTN; OSGSPA4048N.MTN; OSGSPA4515.MTN; OSGSPA4515N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
42	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA4516.MTN; OSGSPA4516N.MTN; OSGSPA4518.MTN; OSGSPA4518N.MTN; OSGSPA4528.MTN; OSGSPA4528N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
43	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA4535.MTN; OSGSPA4535N.MTN; OSGSPA4536.MTN; OSGSPA4536N.MTN; OSGSPA4538.MTN; OSGSPA4538N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
44	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	OSGSPA4545.MTN; OSGSPA4545N.MTN; OSGSPA4546.MTN; OSGSPA4546N.MTN; OSGSPA4548.MTN; OSGSPA4548N.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

45	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	STCLR4505.MTN; STCLR4510.MTN; STCLR4520.MTN; STCSR3405.MTN; STCSR3410.MTN; STCSR3420.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
46	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	STCSR3805.MTN; STCSR3810.MTN; STCSR3820.MTN; STCSS3405.MTN; STCSS3410.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
47	Thân răng nhân tạo	ZrGEN Abutment	STCSS3420.MTN; STCSS3805.MTN; STCSS3810.MTN; STCSS3820.MTN		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
48	Thân răng nhân tạo	Meg-Loc Abutment	MLAO00; MLAO01; MLAO02; MLAO03		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
49	Thân răng nhân tạo	Meg-Loc Abutment	MLAO04; MLAO05; MLAO06; MLAO07		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
50	Thân răng nhân tạo	Meg-Loc Abutment	MLSTM00; MLSTM01; MLSTM02; MLSTM03		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
51	Thân răng nhân tạo	Meg-Loc Abutment	MLSTM04; MLSTM05; MLSTM06; MLSTM07		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
52	Thân răng nhân tạo	Angled Abutment	STAA4520AT; STAA4520BT; STAA4520MAT; STAA4520MBT; STAA4520MNT; STAA4520NT		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
53	Thân răng nhân tạo	Angled Abutment	STAA4540AT; STAA4540BT; STAA4540MAT; STAA4540MBT; STAA4540MNT		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
54	Thân răng nhân tạo	Angled Abutment	STAA4540NT; STAA5020AT; STAA5020BT; STAA5020NT; STAA5040AT		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
55	Thân răng nhân tạo	Angled Abutment	STAA5040BT;		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup,	KOREA, REPUBLIC OF

			STAA5040NT; STAA6020AT; STAA6020BT; STAA6020NT			Dalseong-gun, Daegu	
56	Thân răng nhân tạo	Angled Abutment	STAA6040AT; STAA6040BT; STAA6040NT		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
57	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA4611NT; STEA4611T; STEA4621NT; STEA4621T; STEA4631NT; STEA4631T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
58	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA4641NT; STEA4641T; STEA4651NT; STEA4651T; STEA4711NT; STEA4711T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
59	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA4721NT; STEA4721T; STEA4731NT; STEA4731T; STEA4741NT; STEA4741T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
60	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA4751NT; STEA4751T; STEA5410NT; STEA5410T; STEA5420NT; STEA5420T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
61	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA5430NT; STEA5430T; STEA5440NT; STEA5440T; STEA5450NT; STEA5450T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
62	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA5610NT; STEA5610T; STEA5620NT; STEA5620T; STEA5630NT; STEA5630T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

63	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA5640NT; STEA5640T; STEA5650NT; STEA5650T; STEA5710NT; STEA5710T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
64	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA5720NT; STEA5720T; STEA5730NT; STEA5730T; STEA5740NT; STEA5740T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
65	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA5750NT; STEA5750T; STEA6410NT; STEA6410T; STEA6420NT; STEA6420T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
66	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA6430NT; STEA6430T; STEA6440NT; STEA6440T; STEA6450NT; STEA6450T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
67	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA6610NT; STEA6610T; STEA6620NT; STEA6620T; STEA6630NT; STEA6630T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
68	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA6640NT; STEA6640T; STEA6650NT; STEA6650T; STEA6710NT; STEA6710T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
69	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA6720NT; STEA6720T; STEA6730NT; STEA6730T; STEA6740NT; STEA6740T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
70	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA6750NT; STEA6750T; STEA7610NT;		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

			STEA7610T; STEA7620NT; STEA7620T				
71	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEA7630NT; STEA7630T; STEA7640NT; STEA7640T; STEA7650NT; STEA7650T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
72	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEAS4611NT; STEAS4611T; STEAS4621NT; STEAS4621T; STEAS4631NT; STEAS4631T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
73	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEAS4641NT; STEAS4641T; STEAS4651NT; STEAS4651T; STEAS4711NT; STEAS4711T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
74	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEAS4721NT; STEAS4721T; STEAS4731NT; STEAS4731T; STEAS4741NT; STEAS4741T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
75	Thân răng nhân tạo	EZ Post Abutment	STEAS4751NT; STEAS4751T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
76	Thân răng nhân tạo	Milling Abutment	STMA4015T; STMA4030T; STMAS4015T; STMAS4030T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
77	Thân răng nhân tạo	Milling Abutment	STMAS5015T; STMAS5030T; STMASG5015T; STMASG5030T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
78	Thân răng nhân tạo	Milling Abutment	STMASG6015T; STMASG6030T; STMASG7015T; STMASG7030T		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
79	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA4410; STSA4411;		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup,	KOREA, REPUBLIC OF

			STSA4420; STSA4421; STSA4430; STSA4431; STSA4440; STSA4441			Dalseong-gun, Daegu	
80	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA4450; STSA4451; STSA4610; STSA4611; STSA4620; STSA4621		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
81	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA4630; STSA4631; STSA4640; STSA4641; STSA4650; STSA4651		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
82	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA4710; STSA4711; STSA4720; STSA4721; STSA4730; STSA4731		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
83	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA4740; STSA4741; STSA4750; STSA4751; STSA5410; STSA5420		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
84	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA5430; STSA5440; STSA5450; STSA5610; STSA5620; STSA5630		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
85	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA5640; STSA5650; STSA5710; STSA5720; STSA5730; STSA5740		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
86	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA5750; STSA6410; STSA6420; STSA6430; STSA6440; STSA6450		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
87	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA6610; STSA6620; STSA6630; STSA6640; STSA6650; STSA6710		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
88	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA6720; STSA6730; STSA6740; STSA6750; STSA7610; STSA7620		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
89	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSA7630; STSA7640; STSA7650; STAS4410; STAS4411; STAS4420		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
90	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STAS4421; STAS4430; STAS4431;		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

			STSAS4440; STSAS4441; STSAS4450				
91	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSAS4451; STSAS4610; STSAS4611; STSAS4620; STSAS4621; STSAS4630		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
92	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSAS4631; STSAS4640; STSAS4641; STSAS4650; STSAS4651; STSAS4710		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
93	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSAS4711; STSAS4720; STSAS4721; STSAS4730; STSAS4731; STSAS4740		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
94	Thân răng nhân tạo	Solid Abutment	STSAS4741; STSAS4750; STSAS4751		MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF